

# THÂM DỤNG TRI THỨC CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRONG XU THẾ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TOÀN CẦU

**I. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của các ngành công nghiệp dịch vụ chuyên sâu về tri thức và sản xuất hàng hóa công nghệ cao trong tăng trưởng kinh tế:**

## **1. Khái niệm:**

Trong xu thế toàn cầu hoá với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và truyền thông, với sự phổ biến của Internet, với sự tiến nhanh đến nền kinh tế tri thức thì vai trò và trách nhiệm của trí thức là rất lớn lao. Xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước được coi là một trong những nội dung quan trọng trong mục tiêu tăng trưởng kinh tế

Trong xã hội Việt Nam, thời phong kiến không có khái niệm “trí thức”, mà chỉ có nói tới tầng lớp sĩ phu; đến thời Pháp thuộc mới có khái niệm “trí thức”, được dịch từ chữ Intellectue (tiếng Pháp), Intellectual (tiếng Anh). Có thể hiểu, trí thức là những người lao động trên mọi lĩnh vực, ngành nghề, sử dụng trí tuệ và tài năng của mình trong lao động, sáng tạo, đưa ra những ý tưởng có tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế, xã hội. Trí thức không nhất thiết phải là những người có bằng cấp, học vị.

Như vậy, kinh tế tri thức là biểu hiện hay xu hướng của nền kinh tế hiện đại, trong đó tri thức, lao động chất xám được phát huy khả năng sinh lợi của nó và mang lại hiệu quả kinh tế lớn lao trong tất cả các ngành kinh tế: công nghiệp, nông – lâm – ngư nghiệp và dịch vụ, phục vụ cho phát triển kinh tế. Từ đó, nền kinh tế tri thức được hiểu là nền kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở tri thức, khoa học; dựa trên việc tạo ra và sử dụng tri thức, phản ánh sự phát triển của lực lượng sản xuất ở trình độ cao.

## **2. Đặc trưng:**

Kinh tế hóa tri thức nghĩa là nhân tố tri thức với chủng loại ngày càng phong phú, trình độ ngày càng cao hòa nhập vào quá trình hoạt động kinh tế và cũng chỉ ra kết quả của việc hòa nhập này. Trình độ kinh tế hóa của tri thức có thể đánh giá bằng tỷ trọng của sản nghiệp tri thức trong nền kinh tế quốc dân.

Tri thức hóa kinh tế là xu hướng tri thức của quá trình kinh tế và kết quả của nó càng tăng mạnh thì hàm lượng tri thức càng tăng cao. Trong quá trình phát triển, yếu tố tri thức không ngừng đan xen và nảy nở vào mọi lĩnh vực của đời sống. Chẳng hạn, thiết kế mẫu mã hàng hóa mang bản sắc văn hóa, trang trí, tuyên truyền quảng cáo hàng hóa là các hoạt động đưa yếu tố tri thức vào kinh doanh nói riêng và vào quá trình kinh tế nói chung.

Sản nghiệp hóa tri thức là vật chất hóa văn hoá, tinh thần, ý tưởng sáng tạo, là sự thăng hoa của nền kinh tế hàng hóa và sản nghiệp. Như vậy, sản nghiệp hóa tri thức biểu hiện nét đặc trưng quan hệ đồng nhất, thống nhất của tri thức và kinh tế. Trong tiến trình phát triển, các nhà kinh tế đều nhận định ngoài sản nghiệp thứ nhất thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; sản nghiệp thứ hai thuộc lĩnh vực công nghiệp và sản nghiệp thứ ba thuộc khu vực dịch vụ truyền thống, đã manh nha sản nghiệp mới được cấu thành bởi những yếu tố cơ bản như văn hóa, trí óc, tri thức, nhân tài, tin tức, khoa học kỹ thuật, ý tưởng sáng tạo.

Tri thức là hình thức cơ bản của vốn, yếu tố chủ yếu nhất của nền kinh tế. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi ngày càng nhanh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, nhất là các ngành công nghệ cao. Tốc độ đổi mới nhanh, sản xuất công nghệ trở thành ngành sản xuất đặc biệt – sản xuất ra tư liệu sản xuất... Kinh tế tri thức được ứng dụng rộng và ngày càng sâu trong mọi lĩnh vực và dựa chủ yếu vào nguồn nhân lực được đào tạo tốt và xã hội học tập.

Tri thức trở thành lực lượng sản xuất chủ yếu và quyết định. Khoa học và công nghệ, gắn liền với Giáo dục và đào tạo, dựa trên nền tảng xã hội học tập, là nguồn gốc và động lực trực tiếp để phát triển kinh tế. Kinh tế tri thức lấy hoạt động dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao làm chủ đạo, dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ. Toàn cầu hóa là một trong những điều kiện tiên quyết, làm nên một trong những đặc trưng cơ bản của Kinh tế tri thức là không có biên giới. Tri thức và lao động, vốn và công nghệ, tài nguyên thiên nhiên, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ sẽ di chuyển ngay đến những nơi cần chúng.

Sự hình thành và phát triển của kinh tế tri thức gắn liền với sự hình thành và phát triển của xã hội tri thức. Quá trình này sẽ đưa lực lượng sản xuất phát triển lên một tầm cao mới và hình thành nên quan hệ sản xuất mới, với kiến trúc thượng tầng mới. Nó tất yếu diễn ra theo quy luật từ những chuyển hóa về lượng

dẫn đến những chuyển hóa về chất trong toàn bộ phương thức sản xuất, dẫn đến phương thức mới ra đời, xuất hiện một hình thái kinh tế - xã hội mới. Đó là một quá trình lịch sử tự nhiên.

### **3. Vai trò:**

Kinh tế tri thức mang lại những cơ hội và thách thức lớn trong sự phát triển chưa từng thấy của nhân loại. Kinh tế tri thức có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển xã hội ngày nay. Phát triển kinh tế tri thức là cơ hội để rút ngắn khoảng cách lạc hậu. Từ những tri thức, công nghệ kỹ thuật mới, các tư liệu lao động mới, hệ thống máy móc thông minh, tự động hóa sẽ được tạo ra. Quá trình đó sẽ giúp phát hiện và sáng tạo ra nhiều đối tượng lao động mới, những nguyên liệu mới, năng lượng mới,... có thể trước đây chưa từng xuất hiện, tạo ra nhiều giá trị sử dụng mới, đáp ứng thỏa mãn nhu cầu xã hội ngày càng tốt hơn, giảm bớt việc khai thác các nguồn tài nguyên hiện hữu.

Kinh tế tri thức là động lực thúc đẩy tiến trình xã hội hóa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, làm cho phân công lao động xã hội phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Kinh tế tri thức được hình thành, phát triển trên cơ sở các ngành sản xuất sử dụng công nghệ cao, từ đó mà tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Nó thúc đẩy nông nghiệp phát triển nhanh thông qua các cuộc cách mạng, cách mạng xanh, cách mạng sinh học... Nó thúc đẩy công nghiệp, không ngừng ra tăng hàm lượng khoa học - kỹ thuật, công nghệ trong sản phẩm công nghiệp qua đó mà gia tăng giá trị sử dụng, giá trị trao đổi của sản phẩm công nghiệp. Nó thúc đẩy trí nghiệp phát triển ở các ngành dịch vụ, thông tin, thương mại, tiền tệ,... với nhiều hình thức phong phú. Nó thúc đẩy việc nâng cao đời sống xã hội, hướng đến một nền văn minh cao hơn.

Trong nền kinh tế tri thức, các yếu tố vật chất cũng như hàm lượng vật chất trong các sản phẩm ngày càng giảm, hàm lượng tri thức, lao động chất xám, lao động trí óc tăng lên, chiếm tỷ trọng ngày càng cao lớn trong giá trị sản phẩm. Trong nền kinh tế tri thức, các sản phẩm trí tuệ dựa vào nguồn lực hàng đầu là tri thức. Đây là nguồn vốn cơ bản của quá trình sản xuất và tái sản xuất của xã hội, thay vì chỉ là đất đai, tài nguyên và vốn tiền tệ như trước đây. Thông tin, kiến thức lao động có trình độ cao được sử dụng nhiều, ít sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Những trung tâm công nghệ cao được hình thành. Đặc biệt tri thức

khoa học và công nghệ cùng với lao động kỹ thuật cao là thành phần quan trọng của lực lượng sản xuất, là lợi thế phát triển kinh tế. Nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hóa. Sự sáng tạo đổi mới trở thành yêu cầu thường xuyên đối với mọi người.

Cơ cấu kinh tế kỹ thuật thay đổi một cách sâu sắc, theo hướng tri thức hóa, làm thay đổi phương thức tổ chức và quản lý không chỉ trong các ngành đó mà còn tác động đến các ngành kinh tế khác trong nền kinh tế. Do những thay đổi trong cơ cấu kinh tế- kỹ thuật sẽ làm thay đổi về chất trong cơ cấu sản phẩm, làm thay đổi cơ cấu giá trị sản phẩm; điều này tất yếu dẫn đến sự thay đổi trong cơ cấu lao động xã hội. Nếu như trước đây, lao động nông nghiệp chủ yếu bằng tay chân tay, thì sau đó lao động sản xuất công nghiệp, lao động “cỏ xanh” hầu hết là bằng máy móc.

Qui trình công nghệ trong sản xuất luôn luôn được thay đổi, làm cho năng xuất lao động ngày càng tăng, cường độ lao động ngày càng giảm, chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng sản phẩm ngày càng cao, giúp đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cuộc sống... sự cạnh tranh được tạo điều kiện đầy đủ, sự tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, tạo ra lợi thế cho quốc gia, tác động lớn đến đời sống xã hội.

Siêu xa lộ thông tin trong hệ thống mạng toàn cầu được hình thành, có ảnh hưởng to lớn đến lĩnh vực khoa học, kinh tế và văn hóa, quan hệ quốc tế, đặc biệt giúp mở rộng thị trường cho các nước... bởi vì nó đảm bảo sự tham gia đồng đẳng của tất cả các quốc gia trên thế giới. Siêu xa lộ thông tin sẽ tạo ra một xã hội tri thức, xã hội thông tin mà không có biên giới. Trong nền kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, lực lượng sản xuất và các hoạt động kinh tế của mỗi con người, của mỗi quốc gia đều mang tính toàn cầu.

Trong điều kiện của kinh tế tri thức, các thành tựu khoa học – công nghệ, nhất là công nghệ thông tin được phổ biến và ứng dụng hết sức nhanh chóng, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Các ngành kinh tế được tri thức hóa đều phải dựa vào công nghệ mới để đổi mới và phát triển. Chỉ khi nào các ngành công nghệ cao, ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật hiện đại, có giá trị mới do tri thức đem lại chiếm trên 2/3 tổng giá trị thì kinh tế tri thức mới được biểu hiện rõ. Tiêu chí của kinh tế tri thức là hơn 70% GDP phải được tạo ra từ các ngành

sản xuất dịch vụ áp dụng công nghệ cao; hơn 70% giá trị gia tăng là do trí tuệ mang lại; hơn 70% công nhân tri thức trong cơ cấu lao động; hơn 70% cơ cấu vốn là vốn con người. Nền kinh tế và xã hội luôn luôn đổi mới, cái mới ngày càng nhiều. Đó là đặc trưng của sự phát triển, của sự tiến hóa xã hội và sự phát triển từ cái mới.

## **II. Những vấn đề về các ngành công nghiệp thâm dụng trí thức ở Việt Nam:**

Sau mấy thập kỷ phát triển, hiện nay kinh tế tri thức đang tác động ngày càng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị và quan hệ quốc tế của đời sống nhân loại. Sự tác động này báo hiệu một bước ngoặt phát triển, làm cho thế kỷ 21 sẽ ngày càng khác với thế kỷ 20.

Sự ra đời và phát triển kinh tế tri thức là xu thế khách quan của kinh tế thị trường, nhưng nhận thức chủ quan khác nhau thì sẽ có thái độ khác nhau đối với kinh tế tri thức, nên kinh tế tri thức có thể trở thành cơ hội phát triển chưa từng có đối với nước này, cũng có thể là thách thức sống còn với nước khác. Tất cả tùy thuộc vào thái độ của bộ máy cầm quyền. Hiện nay đã có 38 nước GDP/người đạt mức 20.000 USD chủ yếu là vận dụng kinh tế tri thức. Còn những nước dựa vào khai thác tài nguyên và lao động rẻ đang đi vào bế tắc. Tình hình đó cho thấy, nhận thức đúng về kinh tế tri thức là một tiêu chí của những người lãnh đạo hiện nay.

### ***1. Nhận thức lý luận về kinh tế tri thức:***

Vào cuối thế kỷ 20, trong nền kinh tế thị trường diễn ra hai biến đổi có tính bước ngoặt: Cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba. Hai cuộc cách mạng ấy gắn bó với nhau, tạo ra biến đổi sâu sắc nền kinh tế thị trường và xã hội công nghiệp. Sự biến đổi ấy được nhận thức từ nhiều quan niệm khác nhau: Thời kỳ kỹ thuật điện tử; xã hội hậu công nghiệp; kinh tế hậu công nghiệp; kinh tế thông tin... Hiện nay, thông qua toàn cầu hoá kinh tế, kinh tế tri thức đang lan toả mạnh. Thực tiễn ấy, giúp chúng ta nhận thức đúng hơn về bản chất, cấu trúc và hình thức vận động của kinh tế tri thức.

Để có nhận thức lý luận về kinh tế tri thức một cách đúng đắn, cần phải bắt đầu từ phương pháp luận khoa học, nhất là đối với Việt Nam - một nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế tri thức là xu hướng tất yếu của quá trình phát triển kinh tế thị trường mấy trăm năm qua. Bản chất của kinh tế thị trường là xã hội hoá lao động và sản xuất ngày càng sâu sắc cả về chiều rộng và chiều sâu, mà giai đoạn lịch sử đầu gắn liền với chủ nghĩa tư bản. Sau cuộc cách mạng kỹ thuật thế kỷ 18, nền kinh tế thị trường hiện đại phát triển đầy biến động và nhanh dần, nó để lại đằng sau những gì là lỗi thời về cơ sở kỹ thuật, về quan hệ kinh tế, xã hội và thể chế chính trị. Đồng thời, nó cũng luôn phát hiện ra những lực lượng sản xuất mới, những quan hệ kinh tế, xã hội, chính trị mới để không ngừng phát triển. Do đó, kinh tế thị trường không ngừng mở rộng không gian sản xuất và trao đổi, từ phạm vi vùng, miền ra phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu.

## ***2. Xu hướng phát triển lực lượng sản xuất hiện đại tất yếu đi đến ra đời kinh tế tri thức:***

Thực tiễn phát triển lực lượng sản xuất hiện đại khoảng 300 năm qua cho thấy, sức sống và trình độ phát triển lực lượng sản xuất hiện đại đều bắt nguồn từ trình độ xã hội hoá, tạo ra mối quan hệ giữa các nguồn lực xã hội với các nhu cầu xã hội. Bởi vì, khi sản xuất và tiêu dùng ngày càng có tính chất xã hội thì sẽ đánh thức mọi tiềm năng về vật chất và trí tuệ của xã hội vào phát triển kinh tế thị trường. Mức độ khai thác các tiềm năng vật chất của xã hội thể hiện rõ ở quy mô phát triển của lực lượng sản xuất, còn mức độ huy động và sử dụng tốt các tiềm năng trí tuệ của xã hội lại là chỉ số về chất lượng và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại. Do tương tác thường xuyên giữa các nguồn lực xã hội với các nhu cầu xã hội nên lực lượng sản xuất hiện đại luôn phát triển. Cơ sở kỹ thuật cơ khí là cốt tính chất cách mạng, nó đòi hỏi thay đổi những quan hệ sản xuất và thể chế chính trị đã lỗi thời, đồng thời gợi mở những quan hệ sản xuất mới và thể chế mới từ thực tiễn.

Sự vận động của lực lượng sản xuất trong kinh tế thị trường cho thấy: mức độ huy động và sử dụng tiềm năng trí tuệ của xã hội có ý nghĩa quyết định mức độ khai thác và hiệu quả của tiềm năng vật chất của xã hội. Vì vậy, trong các nền kinh tế thị trường trên thế giới hiện có hai xu hướng phát triển khác nhau:

- Những nền kinh tế thị trường dựa chủ yếu vào huy động và sử dụng tiềm năng trí tuệ của quốc gia và thế giới. Đây là những nước hiện nay đã bước vào giai đoạn kinh tế tri thức.

- Những nền kinh tế thị trường chủ yếu dựa vào khai thác tiềm năng vật chất (về tài nguyên và lao động giản đơn). Đây là những nước đang phát triển và kém phát triển, thường thiệt nhiều trong cạnh tranh thị trường, có nhiều nguy cơ là bãi rác của các nước phát triển trong hợp tác đầu tư nước ngoài.

### ***3. Vai trò ngày càng tăng của lao động tri thức là cơ sở chung của tiến trình từ giai đoạn kinh tế công nghiệp lên giai đoạn kinh tế tri thức:***

Lực lượng sản xuất hiện đại bao gồm hai bộ phận: Cơ sở vật chất kỹ thuật và lực lượng lao động sản xuất và tổ chức quản lý kinh doanh. Lịch sử phát triển kinh tế thị trường hiện đại luôn gắn liền với lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật. Cuộc cách mạng đầu tiên (thế kỷ 17, 18) đã xác lập cơ sở kỹ thuật cơ khí, đã hình thành lực lượng lao động cơ khí và tổ chức kinh doanh trong nền kinh tế công nghiệp hiện đại. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật thứ hai (cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20) đã nâng cơ sở kỹ thuật cơ khí lên trình độ nửa tự động hoá và hình thành hệ thống tổ chức quản lý mới, dưới hình thức các tập đoàn, đưa chủ nghĩa tư bản lên giai đoạn độc quyền, bắt đầu ở nước Đức. Kinh tế thị trường với các tập đoàn tư bản đã phát triển phạm vi khu vực và thế giới. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật lần thứ ba vào cuối thế kỷ 20 đã thực hiện một cuộc cách mạng trong cơ sở vật chất kỹ thuật, trong lực lượng lao động và tổ chức quản lý kinh tế thị trường, bắt đầu hình thành kinh tế tri thức.

Nhìn từ chiều sâu của tiến trình lịch sử phát triển nói trên, người ta thấy rõ vai trò ngày càng tăng của lao động tri thức. Cùng với quá trình hình thành cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế tri thức là sự hình thành lực lượng lao động mới, được gọi là lao động tri thức vừa có tính chất chuyên nghiệp vừa có tính chất liên ngành, tiêu biểu cho giai đoạn "khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp".

Hiện nay, cơ sở vật chất kỹ thuật mới và cơ cấu lao động xã hội mới của nền kinh tế tri thức vẫn còn vận động trong quỹ đạo chủ nghĩa tư bản. Nhưng xét về tiến trình lịch sử, cơ sở kinh tế - xã hội ấy không phải là cơ sở của chủ nghĩa tư bản, mà của một xã hội hậu tư bản đang lớn mạnh trong lòng chủ nghĩa tư bản. Các cuộc khủng hoảng từ nay trở đi không chỉ là khủng hoảng kinh tế -

tài chính, mà thực chất là khủng hoảng thể chế kinh tế chính trị tư bản chủ nghĩa.

#### **4. Sự phát triển tự do của mỗi người:**

Trong kinh tế thị trường, quá trình xã hội hoá lao động và sản xuất cùng với sự cạnh tranh đã tạo ra khả năng phát triển của các tập thể và các cá nhân. Đây là một ưu thế của kinh tế thị trường mà các hình thái kinh tế khác không có.

Nhưng khả năng phát triển tập thể và cá nhân chỉ bộc lộ dần dần theo các nấc thang phát triển của kinh tế thị trường. Vì khả năng và giới hạn phát triển này dựa trên cơ sở kinh tế của nó là quy mô giá trị gia tăng đủ lớn và sự phân phối phù hợp với yêu cầu kinh tế thị trường. Trường hợp ra đời các công ty cổ phần một cách phổ biến từ nửa cuối thế kỷ 20 chỉ rõ điều đó. Trong công ty cổ phần, số công nhân trở thành cổ đông ngày càng tăng (hiện nay nhiều người dân ngoài công ty cũng trở thành cổ đông). Cùng với sự phát triển của công ty cổ phần thì sở hữu cá nhân của người lao động trở thành phổ biến, xoá bỏ dần "tính chất vô sản" của người lao động. Ngoài ra trong công ty cổ phần còn có quỹ đầu tư phát triển ngày càng lớn. Đây là số vốn không chia, nên hình thành sở hữu tập thể hay sở hữu xã hội. Như vậy, kinh tế thị trường ở giai đoạn công ty cổ phần đã làm biến đổi sâu sắc sở hữu tư bản, do sự hình thành sở hữu cá nhân của người lao động và sở hữu tập thể.

Sự phát triển này là xu thế tất yếu của sản xuất giá trị thặng dư hay giá trị gia tăng trong một thời gian dài dưới sở hữu tư bản gắn với giai đoạn lịch sử "người bóc lột người". Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, theo xu thế kinh tế thị trường, là sở hữu cá nhân gắn liền với sở hữu xã hội, chứ không phải là sở hữu nhà nước. Không thấy sở hữu nhà nước chỉ là một trong những điều kiện cần để xây dựng cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

Xu thế hình thành cơ sở kinh tế cho sự phát triển tự do của mỗi người và của cộng đồng đạt được chất lượng mới trong nền kinh tế tri thức, do những ưu thế của kinh tế tri thức đem lại như: Kinh tế tri thức đạt được năng suất lao động cao chưa từng có, thúc đẩy sự tăng nhanh sở hữu cá nhân và sở hữu xã hội; Người lao động không chỉ được bảo đảm đời sống vật chất, mà còn có thời gian rảnh để hưởng thụ văn hoá và góp phần xây dựng nền văn hoá mới, thể hiện cụ thể sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển của mọi người. Chỉ cá nhân đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó tạo ra những giá trị mới



cho xã hội... cũng như vậy, một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu thiếu mảnh đất dinh dưỡng của cộng đồng.

Tiềm năng, ưu việt của kinh tế tri thức còn thể hiện ở xu hướng mới của phát triển khoa học có tính chất liên ngành, đặc biệt xu hướng thâm nhập vào nhau của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội hướng vào hình thành mối quan hệ hài hoà giữa con người với con người và giữa con người với tự nhiên. Sự phát triển kinh tế tri thức đến trình độ nào đó sẽ làm thay đổi phương thức lao động và sản xuất, phương thức tiêu dùng và lối sống của xã hội của nền văn minh mới.

### **5. Sự phát triển kinh tế thị trường theo định hướng mới:**

Nét đặc biệt trong thời đại hiện nay là cùng với quá trình phát triển kinh tế tri thức thì xuất hiện định hướng mới của kinh tế thị trường là phát triển bền vững ngày càng bộc lộ và tạo thành một sức ép toàn cầu. Sự xuất hiện định hướng mới của phát triển kinh tế thị trường là do những tất yếu khách quan sau đây:

- Suốt chiều dài lịch sử chủ nghĩa tư bản, mục tiêu phát triển kinh tế chỉ vì lợi nhuận của chủ đầu tư, coi thường những vấn đề xã hội và môi trường. Cho đến cuối thế kỷ 20, tác động của những vấn đề xã hội, môi trường đã đến mức cản trở phát triển kinh tế và uy hiếp sự sống còn của loài người, kể cả chủ nghĩa tư bản. Tình hình đó đặt ra vấn đề thay đổi định hướng phát triển kinh tế, bảo đảm sự phát triển đồng thuận giữa kinh tế với xã hội và môi trường.

- Sự phát triển của kinh tế tri thức đã tạo ra khả năng thay đổi định hướng kinh tế thị trường. Bản thân kinh tế tri thức phải hướng thẳng vào mục tiêu phát triển bền vững ấy, nếu không, những thành tựu của kinh tế tri thức sẽ trở thành sức tàn phá, huỷ diệt loài người khi nó rơi vào tay những lực lượng chống lại loài người. Cảm nhận được điều này, nhiều nhà khoa học hàng đầu thế giới đã chỉ ra rằng: ở thời đại chúng ta, các đại diện của giới chính trị, khoa học và công nghệ phải chịu trách nhiệm đạo lý đặc biệt lớn.

Tác động của xu thế phát triển bền vững đang đặt ra một vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu là thay đổi mô hình kinh tế đặc biệt là các mô hình kinh tế thị trường tự do và mô hình công nghiệp hoá ở các nước đang phát triển dựa chủ

yếu vào khai thác tài nguyên và lao động rẻ. Sự thay đổi này đòi hỏi một tầm nhìn thời đại mới, có ý nghĩa quyết định đối với nước đang phát triển.

### ***6. Sự phát triển con đường rút ngắn trở thành quy luật của các nước phát triển sau:***

Từ sau cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật lần thứ hai vào đầu thế kỷ 20, đưa nền kinh tế công nghiệp lên trình độ nửa tự động hoá, đưa trình độ tổ chức, quản lý kinh tế lên trình độ tập đoàn kinh tế thì bắt đầu xuất hiện khả năng phát triển theo con đường rút ngắn đối với các nước lạc hậu. Nếu quá trình công nghiệp hoá lần đầu tiên ở nước Anh phải mất hơn một trăm năm thì mấy nước gọi là con rồng châu Á chỉ mất khoảng 30 năm. Thời gian để tăng GDP/đầu người lên gấp đôi cũng khác nhau: ở Anh cần 50 năm, Nhật chỉ 34 năm thì Hàn Quốc chỉ mất 11 năm, Trung Quốc 10 năm.

Sở dĩ xuất hiện con đường rút ngắn là do sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra các tiền đề về khoa học và công nghệ về giáo dục và đào tạo, về y tế, về tổ chức và quản lý, về vốn đầu tư cho các nước phát triển sau, thông qua quá trình toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa.

Vào cuối thế kỷ 20 trở đi, khi kinh tế tri thức ra đời và lớn mạnh thì những tiền đề ấy đã có một bước phát triển cao hơn về chất lượng. Thu hút những thành tựu ấy từ các nước phát triển để xây dựng chế độ mới là vấn đề có tính quy luật, tính nguyên tắc trong đường lối phát triển của đảng cầm quyền.

Thực tiễn hợp tác đầu tư nước ngoài và hội nhập kinh tế thế giới những năm qua đã đem lại một bài học cảnh tỉnh các nước phát triển sau. Đó là nhà đầu tư nước ngoài chỉ lo thu lợi nhuận trước mắt của họ, bất chấp những vấn đề xã hội và môi trường bị tàn phá của nước sở tại, kể cả trong hợp tác đầu tư cho giáo dục đại học. Bài học chỉ ra rằng: không nên trách nhà đầu tư đi tìm lợi nhuận, mà nên tự trách mình không đủ trình độ để lựa chọn những thành tựu mình cần và biết tránh những mảnh khoé, thủ đoạn kinh doanh kiểu cũ của nhà đầu tư nước ngoài.

### ***7. Một số vấn đề cơ bản trong thực tiễn phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay:***

Kinh tế tri thức được đưa vào Văn kiện Đại hội IX của Đảng ở mức độ "Từng bước vận dụng kinh tế tri thức". Quá trình mở cửa và hội nhập chịu tác

động ngày càng tăng của kinh tế tri thức đang vận động trong quỹ đạo chủ nghĩa tư bản, làm bộc lộ cả tiềm năng và hạn chế của nước ta, rõ nhất là ở thực trạng nền kinh tế và thể chế kinh tế chính trị. Để phân tích đầy đủ tiềm năng và hạn chế của ta trước xu thế kinh tế tri thức, cần có sự tổng kết ở phạm vi quốc gia để định vị nước ta và định hướng phát triển kinh tế tri thức. Ở phạm vi một nghiên cứu ngắn, tôi chỉ có thể nêu một số vấn đề cơ bản từ thực tiễn nước ta.

Tất cả các Đảng Cộng sản cầm quyền trong thế kỷ 20 với chiến công lừng lẫy nhưng cuối cùng đều thất bại do đường lối phát triển kinh tế - xã hội không hợp thời đại. Bài học lịch sử thế giới đó chỉ ra rằng cơ sở kinh tế công nghiệp cơ khí không phải là cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Cuộc đại khủng hoảng thể chế kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản hiện nay lại phát đi tín hiệu rằng kinh tế tri thức không phải là cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản mà của một xã hội thay thế nó. Chính sức mạnh của tất yếu kinh tế trong thời đại hiện nay đang là thách thức lớn nhất đối với tất cả các chế độ chính trị trên thế giới. Trong đó khó khăn hơn là đối với các nước lạc hậu phát triển sau.

Xét về bản chất, kinh tế tri thức không phải là cơ sở của nền thống trị của số ít đối với nhân dân, của chủ nghĩa bá quyền nước này đối với nước khác. Từ những quan sát ấy có thể nhận rõ rằng sự phát triển kinh tế tri thức là cơ hội chưa từng có của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với nội hàm là phát triển bền vững.

Liên hệ với thực tế thì thấy rằng: trong thời đại kinh tế tri thức kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa là có cơ sở khoa học thực tiễn. Nhưng sự kiên trì này ở Việt Nam lại chưa được thể hiện trong mô hình phát triển kinh tế - xã hội. Với những vấn nạn về xã hội và môi trường ngày càng tăng, với những hậu quả của tệ quan liêu, tham nhũng trong quản lý đã cho thấy mô hình công nghiệp hoá hiện nay dựa trên khai thác tài nguyên và nguồn lao động rẻ đã lỗi thời, hoàn toàn không phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa và với thời đại hiện nay.

Chuyển sang mô hình kinh tế thị trường dựa trên kinh tế tri thức là một đòi hỏi cấp bách của định hướng xã hội chủ nghĩa lại vừa phù hợp với thời đại kinh tế hiện nay. Đây phải là một trong những vấn đề chiến lược cơ bản của Đại hội XI của Đảng sắp tới.

Nội lực và ngoại lực là hai sức mạnh cơ bản của con đường phát triển rút ngắn. Kết hợp tốt hai sức mạnh đó thì dân tộc mới có thể đồng hành cùng thời

đại. Ngoại lực ở đây là những thành tựu của kinh tế tri thức trên tất cả các lĩnh vực, chứ không phải bất cứ ngoại lực nào. Không có ngoại lực này thì các nước phát triển sau chỉ dừng lại ở nền kinh tế thị trường hoang dã. Chính vì vậy mà Lênin đòi hỏi phải dang cả hai tay mà nắm lấy những thành tựu tiên tiến của chủ nghĩa tư bản.

Mặt khác, muốn sử dụng thành tựu tiên tiến làm cho dân giàu nước mạnh thì phải phát huy nội lực của dân tộc. Trong đó chủ yếu nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao trên các lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và văn hoá, lãnh đạo và quản lý các cấp và doanh nghiệp. Không có hoặc thiếu nguồn nội lực như vậy thì chỉ tiếp nhận những nguồn ngoại lực chất lượng thấp, thậm chí là rác thải của các nước khác.

Nhìn vào thực trạng nước ta, đây đang là khâu yếu nhất của cả hệ thống, từ trình độ công nghệ cao và tổ chức quản lý ở doanh nghiệp cho đến các lĩnh vực khoa học và công nghệ, nền giáo dục, đào tạo, môi trường văn hoá, hệ thống lãnh đạo quản lý các cấp. Hệ quả là chỉ có thể tăng vốn đầu tư để đạt tốc độ tăng trưởng cao, còn chất lượng, hiệu quả thấp.

Một thể chế kinh tế chính trị như vậy sẽ phát huy ngày càng đầy đủ những ưu thế của định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Muốn xây dựng thể chế như vậy, cần có nhận thức mới và giải quyết đúng những vấn đề chủ yếu sau đây:

Mối quan hệ giữa chính trị với kinh tế: Vận dụng quan điểm duy vật lịch sử trong phát triển kinh tế thị trường, "Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế". Đây là nguyên lý của Đảng lãnh đạo và của Nhà nước quản lý. Nguyên lý đó chỉ rõ: quan điểm chính trị của đảng cầm quyền phải phản ánh được quy luật và nhu cầu của kinh tế phát triển bền vững dựa trên kinh tế tri thức. Trên cơ sở ấy, và chỉ trên cơ sở ấy, hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước sẽ phát huy đầy đủ tác dụng và hiệu quả. Đây còn là cơ sở để xây dựng nền dân chủ từ trong phát triển kinh tế, để khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, tệ nói nhiều làm ít, nói nhưng không làm của quan chức. Chỉ trên cơ sở ấy mới có mối quan hệ công khai, minh bạch, công bằng trong thực tế. Trong giai đoạn hiện nay, nền chính trị tiến bộ phải phản ánh được yêu cầu phát triển bền vững với nội hàm là "Tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường" như đường lối đã nêu. Địa vị hàng đầu của chính trị chính là giải quyết được khâu "đi đôi" trong thực

tế, tức là bảo đảm sự phát triển đồng thuận giữa kinh tế với xã hội và môi trường, chứ không phải chỉ nói trong hội nghị, còn ngoài đời sống thì tình trạng ô nhiễm tăng lên, tàn phá tài nguyên và môi trường nặng nề như hiện nay.

Cấu trúc và sự vận hành của thể chế: Dựa trên nguyên lý giữa chính trị với kinh tế nói trên để hình thành cấu trúc của thể chế gồm ba bộ phận: Tổ chức lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, tổ chức của hệ thống doanh nghiệp, hệ thống các tổ chức xã hội dân sự. Hiệu quả của thể chế phụ thuộc không những vào cấu trúc như trên, mà còn phụ thuộc vào phương thức vận hành của thể chế: đó là thiết lập mối quan hệ thông tin, tương tác thường xuyên giữa các bộ phận. Trên cơ sở tích hợp thông tin không ngừng biến đổi từ thực tiễn mà mỗi bộ phận tìm ra phương án hoạt động tối ưu của mình. Nhờ đó, cả thể chế sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn hơn của sự phát triển kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước. Đối với Đảng cầm quyền, chỉ có thể chế kinh tế chính trị với cấu trúc và vận hành như vậy, thì mới có khả năng gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội trên thực tế trong giai đoạn mới. Nếu không, đó chỉ là một quan điểm trừu tượng mà thôi.

Mối quan hệ giữa con người với tổ chức: Mối quan hệ này hình thành trong nền kinh tế thị trường. Nhưng ở giai đoạn kinh tế công nghiệp tư bản chủ nghĩa, con người chỉ là công cụ của tổ chức và tổ chức chỉ là công cụ của ông chủ để thực hiện mục đích làm giàu. Còn ở giai đoạn kinh tế tri thức, mặc dù vẫn còn trong quỹ đạo chủ nghĩa tư bản, nhưng cơ sở kỹ thuật của nền kinh tế tri thức đòi hỏi mỗi cá nhân và tổ chức phải có tính chủ động, sáng tạo. Những ông chủ khôn ngoan đã biết khai thác ưu thế này và họ đang chuyển biến thành một dạng lao động tri thức, ngày càng không giống những ông chủ trước đây. Mối quan hệ mới giữa cá nhân và tổ chức trong kinh tế tri thức hình thành trong môi trường văn hoá mới. Những công trình nghiên cứu về quản lý các nước phát triển cho thấy: trong giai đoạn kinh tế công nghiệp phát triển dựa trên "con người kinh tế" như một động lực, còn trong giai đoạn kinh tế tri thức phát triển lại dựa vào "con người văn hoá" mang tính chất động lực và mục tiêu. Nước ta chưa xây dựng kinh tế tri thức nên đây là một vấn đề mới nhưng là một tất yếu khách quan của giai đoạn mới.

Thời gian và phát triển: Kinh tế thị trường dựa trên quá trình xã hội hoá và cạnh tranh, nên nhân tố thời gian ngày càng có ý nghĩa quan trọng đối với sự

phát triển cá nhân và tổ chức. Tiết kiệm thời gian là một ưu thế của xã hội công nghiệp khác hẳn với các xã hội tiền công nghiệp. Quy luật tiết kiệm thời gian là một trong những quy luật phát triển kinh tế thị trường. Tác động của quy luật này trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thể hiện ở sự rút ngắn dần thời gian công nghiệp hoá, ở năng suất lao động ngày càng cao, thời gian lao động được rút ngắn. Quy luật tiết kiệm thời gian chỉ phát huy tác động tốt nhờ sự phát triển khoa học và công nghệ, tổ chức và quản lý, nhất là nhờ một thể chế kinh tế chính trị hợp lý mới khai thác được tiềm năng to lớn về tiết kiệm thời gian, đặc biệt trong giai đoạn kinh tế tri thức. Đối với nước phát triển sau, đây là cơ hội lớn để tiến kịp thời đại, nếu có tổ chức và thể chế vận hành phù hợp cho phép tiết kiệm mọi nguồn lực xã hội, nguồn lực tự nhiên. Quy luật tiết kiệm thời gian phát huy đầy đủ sức mạnh của nó khi kinh tế thị trường theo định hướng phát triển bền vững dựa trên kinh tế tri thức. Quy luật này bị xoá bỏ trong những thể chế quan liêu, tham nhũng, những lĩnh vực hoạt động không có sự kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước và xã hội. Những nghiên cứu gần đây cho thấy: những công trình công nghiệp hoá dựa vào khai thác tài nguyên, tàn phá môi trường đều rơi vào tăng trưởng kinh tế số âm, dù thống kê nhà nước đem lại tỷ lệ tăng trưởng dương. Tăng trưởng như thế có thể đem lại một số lợi ích hạn hẹp cho thế hệ hiện nay nhưng sẽ để lại những hậu quả lâu dài cho các thế hệ mai sau. Đây cũng là vấn đề hiện nay của Việt Nam. Nó đặt ra tính cấp bách của sự chuyển sang phát triển bền vững dựa trên kinh tế tri thức.

**TTBD ĐBDC**

